



©UN Viet Nam/Aidan Dockery



©UNFPA Viet Nam/ Nguyen Minh Duc



©UNFPA Viet Nam/ Nguyen Minh Duc

THÔNG TIN TÓM TẮT



GỢI Ý CHÍNH SÁCH

Cơ cấu tuổi - giới tính đã thay đổi đáng kể trong suốt 3 thập kỷ qua ở Việt Nam đặc biệt là trong những năm gần đây. Vì thế, các chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và địa phương nên xem xét những thay đổi này để giải quyết những thách thức và tận dụng những cơ hội do chuyển đổi nhân khẩu học mang lại để phát triển đất nước.

- Mức sinh thấp và ổn định trong 15 năm qua. Ở hầu hết các tỉnh thành, tỷ lệ trẻ em ở độ tuổi mẫu giáo và tiểu học tăng không đáng kể. Vì vậy, hệ thống giáo dục quốc gia nên tập trung không chỉ vào việc tăng số lượng trường học mà còn phải cải thiện chất lượng giáo dục. Trên thực tế, khi lập kế hoạch xây dựng các trường tiểu học và trung học, các nhà quản lý nên tính cả trẻ em nhập cư để tránh tình trạng thiếu trường và giáo viên.
- Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi 16-30 (theo định nghĩa của Luật Thanh niên) đang dần tăng lên (chiếm 25,5% tổng số dân vào năm 2014) cho thấy Việt Nam cần đầu tư vào phát triển thanh niên và hỗ trợ họ đóng góp vào sự phát triển đất nước.
- Việt Nam vẫn đang ở trong thời kỳ “cơ cấu dân số vàng”, nhưng lợi ích của thời kỳ này không tự động đến. Để tiếp tục tận dụng lợi thế cơ cấu dân số vàng, cần phải có các chiến lược phù hợp để

mở rộng cơ hội nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng bằng cách đầu tư vào y tế, giáo dục và đào tạo kỹ thuật cũng như cải thiện môi trường kinh doanh.

- Dự báo dân số cũng cho thấy tỷ trọng người cao tuổi ngày càng tăng trong những năm gần đây. Các bằng chứng khác chỉ ra rằng một lượng lớn người cao tuổi và nhiều người trong nhóm này đang sống phụ thuộc về kinh tế, mắc các bệnh mãn tính. Vì thế, chính sách bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội cần được xây dựng và điều chỉnh để phù hợp với những xu hướng này, trong đó cần xây dựng các cơ sở y tế cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho dân số cao tuổi. Nâng tuổi nghỉ hưu đặc biệt cho phụ nữ (hiện nay tuổi nghỉ hưu của phụ nữ là 55) và quản lý quỹ lương hưu cũng có thể là các biện pháp hiệu quả để đảm bảo tính bền vững của an sinh xã hội cho người cao tuổi.

- Tỷ lệ người cao tuổi sống đơn thân đã và sẽ tăng lên theo thời gian đòi hỏi cần có nhiều dịch vụ xã hội đáp ứng nhu cầu của nhóm dân số dễ bị tổn thương này. Các cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm về an sinh xã hội, bảo hiểm xã hội, nghỉ hưu và hệ thống chăm sóc y tế nên chuẩn bị sẵn sàng để đáp ứng với những thay đổi nhân khẩu học sẽ còn biến động nhiều trong thời gian tới. Các chương trình cụ thể dành cho người cao tuổi nên được xây dựng, đặc biệt cho người cao tuổi nghèo và người sống ở vùng nông thôn.
- Ngoài ra, Việt Nam cũng cần có nhiều biện pháp để giải quyết tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Cần tập trung thu hẹp khoảng cách về thu nhập giữa nam giới và phụ nữ đảm bảo bình đẳng trong phân công các công việc không được trả công và chăm sóc gia đình, con cái giữa nam giới và phụ nữ.
- Cơ cấu dân số đã có những biến động đáng kể theo các nhóm dân số và theo vùng miền địa lý. Vì thế, chính sách dân số, hôn nhân, gia đình và phát triển kinh tế - xã hội nên thích ứng với những đặc điểm nhân khẩu học, kinh tế - xã hội và văn hóa đa dạng trên cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tổng cục Thống kê và Quỹ dân số Liên hợp quốc (2016). Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ 2014 – Cơ cấu tuổi, giới tính và một số vấn đề kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Nhà xuất bản Thông tấn.

QUỸ DÂN SỐ LIÊN HỢP QUỐC TẠI VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngôi Nhà Xanh Liên Hợp Quốc (GOUNH), 304 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội
ĐT: +84 4 38500 100 | Fax: +84 4 3726 5220 | Web: <http://www.vietnam.unfpa.org>

CƠ CẤU TUỔI VÀ GIỚI TÍNH CỦA DÂN SỐ VIỆT NAM: BẰNG CHỨNG TỪ CUỘC ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ 2014

Bản tóm tắt này cung cấp một số thông tin chính về những thay đổi về cơ cấu tuổi và giới tính của dân số ở Việt Nam, sử dụng kết quả từ hai cuộc Điều tra Dân số và Nhà ở tại Việt Nam năm 1999, 2009 và cuộc điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2014. Bản tóm tắt này cũng bao gồm các hệ lụy chính sách và đề xuất khuyến nghị để tận dụng các cơ hội và giải quyết những thách thức do biến động dân số mang lại trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách và chương trình phát triển kinh tế xã hội.

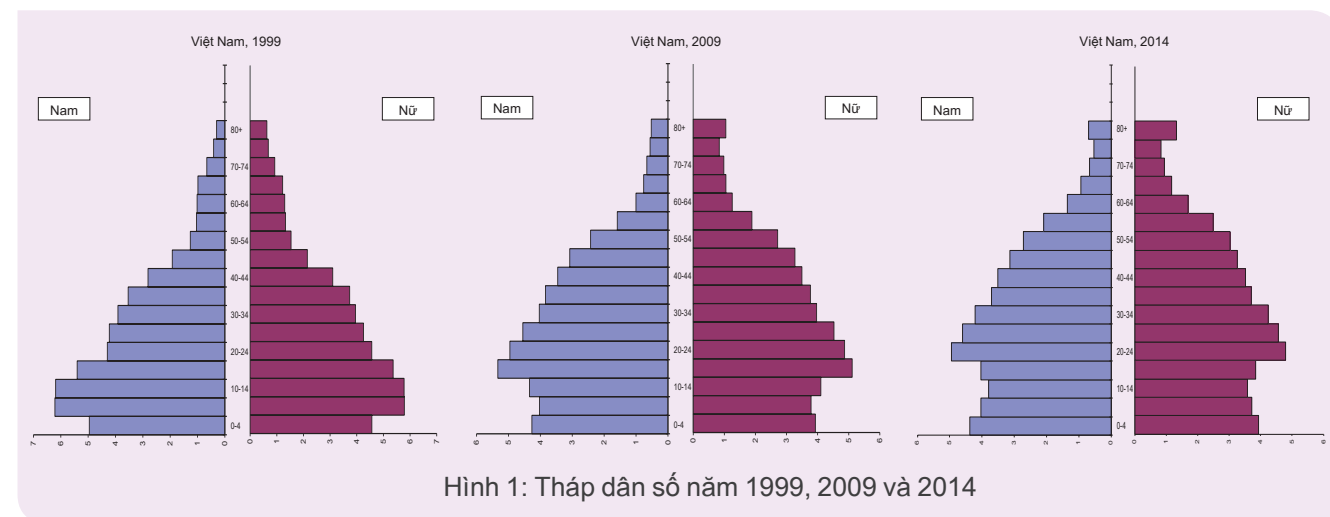
Tuổi và giới tính là hai trong số những yếu tố nhân khẩu học quan trọng nhất ảnh hưởng đến nền kinh tế và sức khỏe dân số Việt Nam. Cụ thể, cơ cấu tuổi - giới tính của dân số quyết định tới một số đặc trưng của quốc gia như lực lượng lao động, hiệu quả sản xuất, tăng trưởng kinh tế và GDP, cũng như bảo hiểm xã hội (Bloom và cộng sự, 2011). Vì vậy, bằng chứng từ về sự biến động trong cơ cấu tuổi - giới tính của dân số cần phải là những thông tin đầu vào quan trọng để xây dựng và thực hiện các chính sách, chiến lược kinh tế - xã hội bao gồm cả Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho giai đoạn 2016-2020 ở cấp quốc gia, cấp địa phương và cấp ngành.

Con số và thực tế

- Tỷ lệ dân số ở nhóm tuổi thanh niên 16-30 tuổi (theo định nghĩa trong Luật Thanh niên 2005) là 25,5%, tăng 2,3% so với năm 2009.
- Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ dân cơ cấu dân số vàng. Tính đến 1/4/2014, có 52 trong số 63 tỉnh, thành phố đã bước vào thời kỳ cơ cấu dân số vàng, tăng 9 tỉnh thành so với Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009.
- Đến năm 2014, cứ 100 người dưới 15 tuổi thì có khoảng 43 người từ 60 tuổi trở lên.
- Tỷ lệ người cao tuổi sống một mình chiếm 3,2% số người từ 60 tuổi trở lên và chiếm 16,4% số người từ 80 tuổi trở lên.
- Năm 2014, khoảng 32,4% người từ 80 tuổi trở lên đang sống một mình với điều kiện sống ở mức thấp nhất. Tỷ lệ này ở nhóm có điều kiện sống tốt nhất chỉ chiếm 3,1%.

NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH

1. Cơ cấu tuổi - giới tính dân số phản ánh sự chuyển đổi nhân khẩu học ở Việt Nam



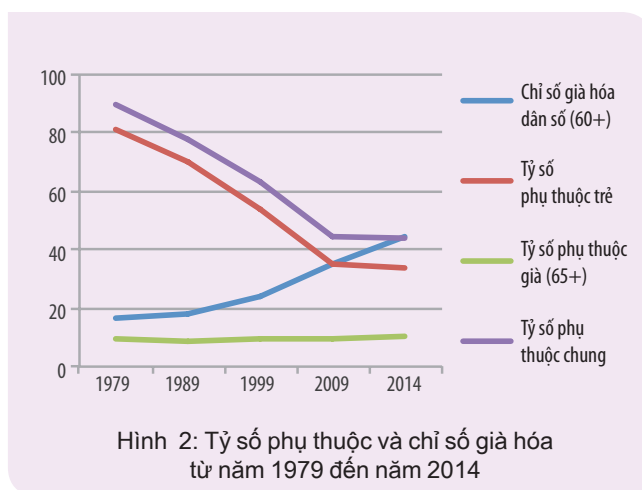
Hình 1: Tháp dân số năm 1999, 2009 và 2014

Tháp dân số phản ánh sự biến động trong cơ cấu tuổi - giới tính cho thấy Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn chuyển đổi nhân khẩu học trong ba thập kỷ qua. Trong khi tháp dân số năm 1999 đặc trưng cho sự chuyển đổi nhân khẩu học từ mức sinh và mức chết cao giảm nhanh xuống mức sinh và mức chết thấp, thì tháp dân số năm 2009 đặc trưng cho dân số ở giai đoạn cuối của quá độ dân số với mức sinh và mức chết thấp và đang ở giai đoạn đầu của già hóa dân số. Hậu quả của chiến tranh tới thay đổi cơ cấu tuổi của dân số trở nên mờ nhạt hơn, và chỉ còn nhận thấy ở nhóm dân số từ 60 tuổi trở lên. Mức sinh và mức chết đã ổn định ở mức thấp trong thập kỷ qua. Tháp dân số năm 2014 phản ánh sự già hóa dân số ở Việt Nam.

Do mức sinh giảm trong hơn 15 năm qua (1999-2014), tỷ lệ dân số trong độ tuổi 0-14 giảm đáng kể từ 33,1% vào năm 1999 xuống còn 24,5% vào năm 2009 và đạt 23,5% vào năm 2014. Trong khi đó nhóm dân số ở độ tuổi lao động (15-64 tuổi) tăng từ 61,1% vào năm 1999 lên 69,1% vào năm 2009 và ổn định ở mức 69,4% năm 2014. Quy mô dân số độ tuổi lao động tăng thêm 16,1 triệu, từ 46,7 triệu vào năm 1999 lên đến 62,8 triệu năm 2014 đã tạo ra một lực lượng lao động tiềm năng để phát triển kinh tế đất nước.

Những biến động của cơ cấu tuổi đã làm cho tỷ số phụ thuộc chung¹ giảm đáng kể từ khoảng 90 vào năm 1979 xuống dưới 44,8 vào năm 2009 và 44 vào năm 2014. Đóng góp vào quá trình sụt giảm này là tỷ số phụ thuộc trẻ em² giảm, trong khi đó tỷ số phụ thuộc người già³ chỉ tăng nhẹ (Hình 2).

Tỷ số giới tính của dân số Việt Nam nhìn chung là tăng trong những thập kỷ qua. Năm 2014, tỷ số này là 97,3 nam trên 100 nữ. Tỷ số giới tính của vùng nông thôn và thành thị lần lượt là 98,8 và 94,3. Di cư



Hình 2: Tỷ số phụ thuộc và chỉ số già hóa từ năm 1979 đến năm 2014

và sự khác biệt về tuổi thọ là những nguyên nhân cơ bản dẫn tới sự khác biệt về tỷ số giới tính giữa thành thị, nông thôn và các vùng miền. Tỷ số giới tính của nhóm dân số từ 60 tuổi trở lên tương đối thấp do tỷ lệ chết ở nam giới cao hơn nữ, hậu quả của cuộc chiến tranh hơn 35 năm về trước. Điều này đúng với tỷ lệ giới tính nhóm tuổi từ 80 trở lên là 52 năm 2014. Trẻ em nhóm tuổi 0-4 có tỷ số giới tính cao (111,2).

Trong số 63 tỉnh thành, 24 tỉnh thành có trẻ em ở nhóm tuổi 0-4 có tỷ số giới tính cao trên 110. Hiện tượng nhân khẩu học này chủ yếu là do mất cân bằng giới tính khi sinh trong suốt 10 năm qua và sẽ gây ra mất cân bằng giới tính cho những thế hệ trưởng thành trong tương lai. Sự "thiếu hụt" phụ nữ trưởng thành có thể gây ra những vấn đề xã hội, văn hóa, kinh tế và bạo lực giới nghiêm trọng trong tương lai.



©UNFPA Viet Nam/ Nguyen Minh Duc

Việt Nam đang ở trong thời kỳ "cơ cấu dân số vàng" hay còn gọi là "cửa sổ cơ hội nhân khẩu học". Điều đó đồng nghĩa rằng số người trong độ tuổi lao động cao gấp đôi nhóm dân số trong độ tuổi phụ thuộc. Nói cách khác, cứ có hơn 2 người trong độ tuổi lao động thì chỉ có 1 người ở độ tuổi phụ thuộc. Tính đến 1/4/2014, 52 trong số 63 tỉnh thành bước vào thời kỳ này, tăng 9 tỉnh so với năm 2009. Nếu có những chính sách phù hợp để tận dụng cơ hội này, cơ cấu dân số vàng có thể biến thành lợi tức dân số.

2. Có sự khác biệt lớn về cơ cấu tuổi - giới tính dân số giữa các vùng miền và nhóm dân số

Phân tích số liệu Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ năm 2014 cho thấy sự khác nhau về mức sinh, tuổi thọ và di cư đã dẫn tới những khác biệt về cơ cấu tuổi - giới tính của dân số giữa các vùng miền. Số trẻ em dưới 15 tuổi và người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên tại các vùng nông thôn nhiều hơn tại các vùng thành thị. Tỷ lệ người cao tuổi sống một mình ở các vùng nông thôn (3,8%) cao hơn các vùng thành thị (1,8%), và nguyên nhân của tình trạng này là do tỷ lệ di cư của người trẻ tuổi từ nông thôn ra thành thị cao hơn.

Đông Nam Bộ có số lượng lớn người trẻ tuổi di cư và là vùng có tỷ lệ dân số tuổi 15-64 cao nhất cả nước (73,5%). Trái lại, vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên có tỷ lệ sinh cao và tỷ trọng trẻ em trong độ tuổi 0-14 cao nhất (tương ứng là 26,5% và 29,0%). Vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng Sông Hồng có tỷ lệ sinh

Phân tích số liệu cho có mối quan hệ nghịch giữa tỷ số phụ thuộc chung và thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh thành ở Việt Nam. Tỷ số phụ thuộc của các tỉnh thành có thu nhập bình quân đầu người cao thì thấp hơn tỷ số phụ thuộc của các tỉnh thành có thu nhập bình quân đầu người thấp, và ngược lại. Nói cách khác, những tỉnh thành đang trong thời kỳ dân số vàng có xu hướng có thu nhập bình quân đầu người cao hơn

thấp và lượng người di cư lớn. Hai vùng này có tỷ lệ dân số tuổi từ 65 trở lên cao nhất lần lượt là 8,9% và 6,8%. Ngoài ra, khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải Miền Trung có tỉ lệ người di cư đi cao. Tình trạng này khiến cho tỷ trọng dân số tuổi từ 65 trở lên rất cao (có đến 8,2%).

Trong nhóm các dân tộc, dân tộc Mông có mức sinh cao nhất (TFR: 3,65) và tỷ lệ trẻ em tuổi dưới 15 cao nhất chiếm 42,5% dân số dân tộc này. Trái lại, dân tộc Kinh có mức sinh thấp nhất (TFR: 2,02) và tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi thấp nhất (23,1%), bằng một nửa tỷ lệ này của dân tộc Mông. Ngoài ra, nhóm dân tộc có mức chết thấp hơn thường có tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên cao hơn. Đáng chú ý, dân tộc Kinh có tỷ lệ chết thấp nhất và tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên cao nhất (7,5%), trong khi đó dân tộc Mông có tỷ lệ chết cao nhất và tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên thấp nhất (3,2%).

3. Cơ cấu tuổi dân số năm 2014 cho thấy Việt Nam đang trong giai đoạn già hóa dân số

Chỉ số già hóa của Việt Nam đã tăng nhanh trong 35 năm qua. Năm 1979, cứ 100 người dưới 15 tuổi có khoảng 17 người trên 60 tuổi. Sau 20 năm (1999), chỉ số này tăng 1,5 lần. Chỉ số già hóa năm 2014 cao gấp ba lần chỉ số năm 1979. Trong số 10 nước ASEAN, chỉ số già hóa dân số Việt Nam đứng thứ ba, chỉ sau Thái Lan và Singapore. Chỉ số già hóa tăng lên thể hiện sức khỏe và tuổi thọ của người Việt Nam đã được cải thiện hơn. Tuy nhiên, tình trạng này cũng đặt ra những thách thức trong việc bảo đảm hưu trí và chăm sóc người cao tuổi.

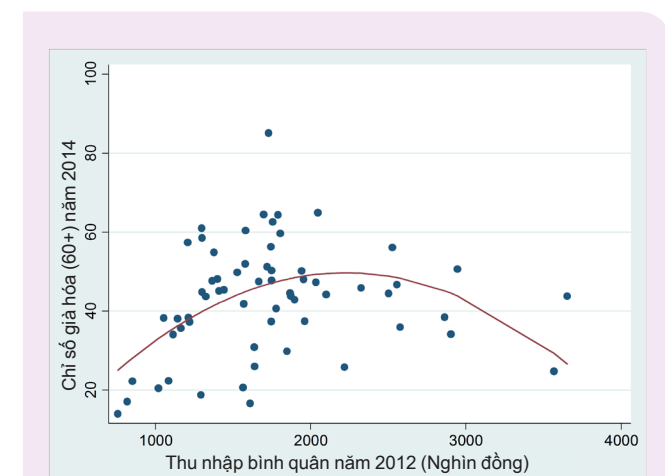
Hình 3 cho thấy mối quan hệ giữa chỉ số già hóa và thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh, thành phố mang hình chữ U. Các tỉnh thành nghèo có chỉ số già hóa rất thấp có thể do những tỉnh này có tỷ lệ sinh cao hơn và vì thế có nhiều trẻ em hơn. Những tỉnh thành có mức sống cao cũng có chỉ số già hóa thấp nhưng chủ yếu là do có số lượng người di cư trẻ đến nhiều hơn.

Tuổi tác có mối quan hệ tỷ lệ thuận với khả năng sống một mình. Tuổi càng cao thì khả năng sống một mình càng cao. Tỷ lệ người cao tuổi sống một mình chiếm 3,2% số người từ 60 tuổi trở lên và chiếm 16,4% số người từ 80 tuổi trở lên. Tỷ lệ người từ trên 80 tuổi sống một mình ở vùng nông thôn (18,2%) cao hơn vùng thành thị (11,3%) (Hình 4).

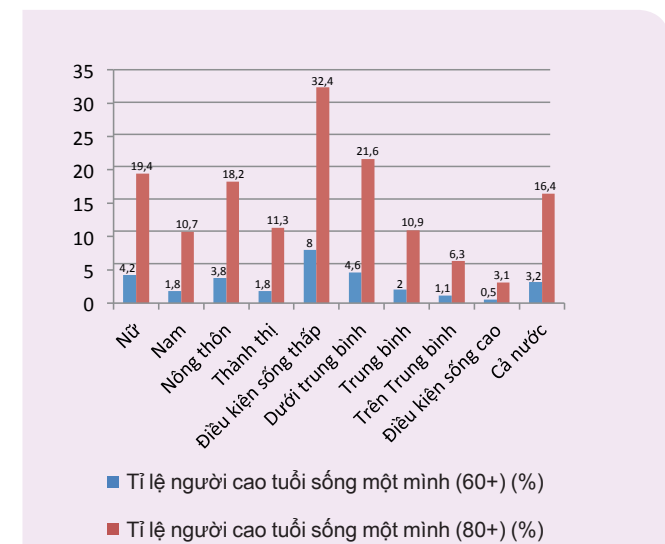
Phụ nữ cao tuổi sống một mình nhiều hơn so với nam giới vì phụ nữ thường sống thọ hơn và ít có khả năng tái hôn sau khi ly hôn hoặc sau khi chồng chết hơn so với nam giới. Ngoài ra, Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ năm 2014 cũng cho thấy có mối tương quan giữa người cao tuổi sống một mình và điều kiện sống của hộ gia đình. Năm 2014, có khoảng 32,4% người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên thuộc vào nhóm có điều kiện sống thấp nhất, đang sống đơn thân. Tỷ lệ này chỉ chiếm 3,1% trong nhóm có điều kiện sống cao nhất. Những kết quả này cũng cho thấy chính sách hỗ trợ người cao tuổi sống một mình cần tập trung nhiều hơn vào nhóm có thu nhập thấp.

Dân tộc Kinh có tỷ lệ người cao tuổi sống một mình cao hơn các dân tộc thiểu số khác. Tình trạng này chủ yếu do dân tộc Kinh có tỷ lệ di cư cao hơn các dân tộc thiểu số khác. Cũng do di cư, khu vực nông thôn thường có tỷ lệ người cao tuổi sống một mình cao hơn so với thành thị; những người trẻ di cư ra thành thị và để lại những người già ở quê nhà nông thôn. Ngoài ra, có mối tương quan giữa sống một mình và trình độ học vấn. Tỷ lệ người tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng sống một mình thấp hơn người có trình độ học vấn thấp hơn. Điều này cho thấy học vấn cao hơn có thể giúp đảm bảo thu nhập để chi trả các chi phí sinh hoạt cho người cao tuổi khi họ nghỉ hưu và giúp họ có khả năng sống độc lập mà không phải phụ thuộc vào con cái.

Sự khác biệt về chỉ số già hóa giữa thành thị và nông thôn là không đáng kể. Trong 6 vùng kinh tế - xã hội, vùng Đồng bằng sông Hồng có chỉ số già hóa cao nhất, tiếp theo đó là vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền trung, và đồng bằng sông Cửu Long, trong khi đó Tây Nguyên và Trung du miền núi phía Bắc có chỉ số già hóa thấp nhất.



Hình 3: Chỉ số già hóa (60+) và thu nhập trung bình của các tỉnh thành Việt Nam, 2014



Hình 4: Tỷ lệ người cao tuổi sống một mình chia theo điều kiện sống của hộ gia đình

¹ Tỷ số phụ thuộc chung là tổng tỷ số phụ thuộc trẻ em và tỷ số phụ thuộc người già.

² Tỷ số phụ thuộc trẻ em biểu hiện bằng số người dưới 15 tuổi trên 100 người ở nhóm tuổi 15-64.

³ Tỷ số phụ thuộc người già biểu thị bằng số người từ 65 tuổi trở lên trên 100 người ở nhóm tuổi 15-64.